

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Huệ
2. Ông Phạm Tuấn Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Q - Sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lý Văn T - Sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 08/6/2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Phùng Thị Q trình bày:

Chị và anh Lý Văn T chung sống như vợ chồng từ cuối năm 2005 đến ngày 18/4/2006 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, anh T

hay chửi bới, xúc phạm chị, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi nhau. Cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vì vậy anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Bản thân chị xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị Q trình bày, anh chị có hai con chung là cháu Lý Đức T – Sinh ngày: 03/7/2006 và cháu Lý Minh H – Sinh ngày: 28/4/2008, hiện nay hai cháu phát triển bình thường và đang ở cùng anh T. Chị Q nhất trí để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn. Chị nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi con là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ chung: Chị Q trình bày, anh chị có vay Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 35.000.000đồng, thời hạn từ năm 2018 đến 2023, do khoản nợ chưa đến hạn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hàng tháng chị vẫn trả lãi đầy đủ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T vẫn sinh sống tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh T, tuy nhiên anh không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trả lời ý kiến.

Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ nhưng không hòa giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định các đương sự có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn của các đương sự được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử cho chị Phùng Thị Q được ly hôn với anh Lý Văn T; xử giao cháu Lý Đức T – Sinh ngày: 03/7/2006 và cháu Lý Minh H – Sinh ngày: 28/4/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; Buộc chị Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu T và cháu H mỗi cháu 1.000.000/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Đề nghị T án phí, quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phùng Thị Q khởi kiện xin ly hôn với anh Lý Văn T và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến về việc chị Q xin ly hôn.

Mâu thuẫn của anh chị đã được xác nhận là đúng, vì vậy việc chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Q trình bày, anh chị có hai con chung là cháu Lý Đức T – Sinh ngày: 03/7/2006 và cháu Lý Minh H – Sinh ngày: 28/4/2008. Hiện tại hai cháu phát triển bình thường và đang ở cùng anh T. Chị Q trình bày, mặc dù hai cháu ở với bố nhưng chị là người lo kinh tế và gửi tiền hàng tháng cho các con ăn học. Do chị đi làm xa, phải thuê nhà trọ, anh T vẫn quan tâm chăm lo cho các con nên chị nhất trí để hai con ở cùng với bố để thuận tiện học tập và có nơi ở ổn định tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có biên bản ghi ý kiến của cháu H và cháu T, các cháu đều có nguyện vọng ở với bố, chị Q cũng nhất trí để anh T được nuôi dưỡng hai con chung. Tòa án đã xác minh mức thu nhập của anh T đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung, anh T có nhà ở ổn định tại địa phương. Vì vậy cần giao cháu Lý Minh H và Lý Đức T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù anh T không yêu cầu nhưng chị Q tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy nguyện vọng của chị Q là chính đáng và phù hợp với mức thu nhập của chị là 8.000.000đồng/tháng. Vì vậy cần buộc chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lý Đức T và Lý Minh H mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Q trình bày, anh chị có vay Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai số tiền 35.000.000đồng, thời hạn từ

năm 2018 đến năm 2023, do khoản nợ chưa đến hạn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã có văn bản gửi Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai về nội dung liên quan đến công nợ của chị Phùng Thị Q và anh Lý Văn T. Tuy nhiên Ngân hàng không có ý kiến trả lời và không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phùng Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Phùng Thị Q ly hôn với anh Lý Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị Q và anh Lý Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lý Đức T - Sinh ngày: 03/7/2006 và cháu Lý Minh H – Sinh ngày: 28/4/2008 cho anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn, chị Phùng Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Phùng Thị Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lý Đức T – Sinh ngày: 03/7/2006 số tiền 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; cấp dưỡng cho cháu Lý Minh H – Sinh ngày: 28/4/2008 số tiền 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị Q phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng định kỳ là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng; Chị Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002963 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Chị Phùng Thị Q còn phải nộp số tiền án phí là 300.000đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã B;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

